

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
Năm học 2021 - 2022**

Stt	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Đối tượng tuyển sinh	Thi tuyển theo kết quả của Sở GD&ĐT gửi về trường	Học sinh chuyển từ lớp 10 năm học trước	Học sinh chuyển từ lớp 11 năm học trước
II	Chương trình giáo dục mà trường tuân thủ thực hiện (theo quy chế trường chuyên)	Nhà trường thực hiện nghiêm túc các Văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, UBND thành phố và Sở GD&ĐT về việc thực hiện Chương trình GDPT 2018	Nhà trường thực hiện nghiêm túc các Văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, UBND thành phố và Sở GD&ĐT về việc thực hiện Chương trình GDPT 2006	Nhà trường thực hiện nghiêm túc các Văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, UBND thành phố và Sở GD&ĐT về việc thực hiện Chương trình GDPT 2006.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở Giáo dục và gia đình; yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Có Ban DD CMHS hoạt động theo Điều lệ, có Quy chế phối hợp với nhà trường. - Tổ chức Đại hội CMHS đầu năm học, thông qua Kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Nghị quyết của CMHS về các vấn đề phối hợp thực hiện nhiệm vụ; có cam kết phối hợp nhà trường thực hiện về công tác giáo dục học sinh. - Giáo viên chủ nhiệm lớp và cha mẹ học sinh thường xuyên liên hệ để cùng chăm lo việc học tập của con em. Tổ chức họp CMHS ít nhất 3 lần/năm. - HS phải tích cực hợp tác tham gia các hoạt động học tập; Trung thực, tự giác, tự tin; có khả năng tự học, tự phục vụ, tự quản...		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	- Đoàn TN phát động và tổ chức phong trào học tốt, làm việc tốt, hoạt động ngoài giờ, hoạt động theo chủ đề.. - Duy trì tổ chức cho các lớp sinh hoạt 10 phút đầu giờ: - Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp 1 tháng 2 lần theo chủ điểm (có kế hoạch cụ thể), hoạt động GD hướng nghiệp (theo kế hoạch) - Tổ chức phát động thi đua các đợt trong năm, nhân các ngày lễ lớn. - Tổ chức các buổi hội thảo, hướng nghiệp, các cuộc thi, đối thoại. - Tổ chức Hội diễn văn nghệ toàn trường, Ngày vàng tình bạn, tham gia các hoạt động thể dục, thể thao cấp thành phố và cấp trường, thành phố, bằng nhiều hình thức, đặc biệt tổ chức online để học sinh phòng chống dịch, v.v - Tổ chức dạy Giáo dục thể chất theo môn tự chọn: Bóng đá, cầu lông, bóng bàn, bóng rổ, khóa bơi lội phòng chống đuối nước		

Stt	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		cho học sinh, nhạc, họa. - Các hoạt động từ thiện khác.		
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		- Đạo đức khá tốt : >99,6% - Học lực: Giỏi : > 99,6% Khá : > 0.3% Yếu,kém:0%	- Đạo đức khá tốt: >98,9% - Học lực: Giỏi: > 98,9% Khá : > 1,0% Yếu,kém:0%	- Đạo đức khá tốt: 100% - Học lực: Giỏi: 100% Khá 0% Yếu, kém: 0% - 100% học sinh đủ ĐK dự thi THPT Quốc gia. - 100% HS được tư vấn phân luồng sau tốt nghiệp.
VI	Khả năng học tập tiếp thu	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		- Cuối năm học 100% số học sinh có đủ kiến thức, kĩ năng để tiếp tục theo học các lớp trên.	- Cuối năm học 100% số học sinh có đủ kiến thức, kĩ năng để tiếp tục theo học các lớp trên.	- HS đỗ TNTHPT, đại học nguyện vọng 1: 100%. - 100% Hs được tư vấn, hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, tiếp tục học các trường Đại học trong và ngoài nước.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Lê Vinh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	877	295	292	290
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	99.32%	100.00%	98,63%	99.31%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0.68%	0%	1,37%	0.69%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)				
II	Số học sinh chia theo học lực	877	295	292	290
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	99,66%	99.66%	100.00%	99.31%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0,34%	0,34%	0%	0.69%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)				
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	877	295	292	290
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	Tăng 0.12	100%	Tăng 1.03%	Giảm 0.69%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	0,8%	0,67%	1,71%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)				

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	462	41	86	299
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	372	41	63	268
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	54		23	31
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	290			290
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	290			290
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	100%			100%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	385/492	146/149	143/149	143/141
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	4	1	2	1

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022



Lê Vinh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	1	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	33	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	06	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	05	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	26/1 lớp	1,92 m ² /1 hs
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	30.000m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.680m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	50 m ² /1 phòng	1,9 m ² /1 hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	126m ² /1 phòng	
3	Diện tích thư viện (m ²)	600 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	2240 m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	p. Đoàn; 25 m ² P. TT: 150 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp...10	10 bộ	
1.2	Khối lớp...11	10 bộ	
1.3	Khối lớp...12	10 bộ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	205	3,5 hs/ bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	06	
2	Cát xét	12	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	61 bộ	

5	Máy tính	205 bộ	
6	Hệ thống âm thanh	03	
7	Màn hình cảm ứng 100 inch + laptop+ loa	41 bộ	41/41

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	03	
2	Cát xét	04	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	33 bộ	33/33
5	Máy tính	205 bộ	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	01 bếp ăn, diện tích : 51,6 m2
XI	Nhà ăn	01 nhà ăn, diện tích 250 m2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	56 phòng, tổng dt: 1446, 6m2	240	06 m2
XIII	Khu nội trú	28 phòng, tổng dt : 723m2	120	06 m2

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		10/10		0,15m2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Son Trà, ngày tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Lê Vinh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
Năm học 2021-2022

[illegible]

9	Bảo vệ, phục vụ, lái xe, nhân viên khác...	10			1		2								
10	Khu Nội trú	9	0	0	2	0	4	0	0	0	0				

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 6 năm 2022

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Vinh